

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-PT  
Ngày: 18 - 06 - 2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
chung và cấp dưỡng giữa vợ và  
chồng khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thị Kim Châu

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Đê

Ông Nguyễn Văn Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 05 năm 2020, Thông báo dời phiên tòa số 45/TB-TA ngày 21/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp B, xã K (trước đây thuộc xã T), huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Trần Thị H - trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Trà Vinh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Sa R, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp T, xã K (trước đây là xã T), huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần N, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp T, xã K (trước đây là xã T), huyện T, tỉnh Trà Vinh, là người đại diện giám hộ

theo quyết định số 07/2019/QĐST-VDS ngày 09/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

*Người phiên dịch:* Ông Kim Thành L – Công tác tại Ủy ban mặt trận tổ quốc phường B, thành phố T, phiên dịch cho các đương sự.

- *Người kháng cáo:* Chị Kim Thị T, là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Kim Thị T trình bày có nội dung và yêu cầu như sau:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Năm 1999 chị và anh Trần Sa R kết hôn với nhau, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã K), huyện T, tỉnh Trà Vinh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 06/3/2002. Khoảng cuối năm 2007 đầu năm 2008 chị và anh Trần Sa R không còn sống chung với nhau cho đến nay nên không thể hàn gắn. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Sa R. Trong thời gian sống ly thân chị không biết anh Sa R bị bệnh tâm thần, chỉ khi yêu cầu ly hôn thì chị mới biết.

*Về con chung:* Chị và anh Trần Sa R có 01 người con chung tên Trần Thị T sinh ngày 07/9/2003 hiện đang sống chung với chị nên sau khi ly hôn chị tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của con chung, không yêu cầu anh Trần Sa R cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị và anh Trần Sa R không có nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn:* Ông Trần N – người giám hộ cho anh Trần Sa R, yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi anh Trần Sa R khi ly hôn 01 lần với số tiền bằng 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng), sau đó thay đổi còn 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) - tương đương 250.000đ/tháng, cấp trong vòng 08 năm thì chị không đồng ý vì hoàn cảnh hiện tại của chị cũng gặp nhiều khó khăn do vừa nuôi con chung, vừa nuôi cả cha mẹ già đều bị tai biến, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập từ 07 công đất ruộng của cha mẹ mỗi năm không đủ chi tiêu gia đình. Trong thời gian anh Trần Sa R về ở rể thì cũng không có nghề nghiệp ổn định, vợ chồng chỉ ở phụ coi chăm sóc 01 công đất trồng mía với cha mẹ để ăn cơm hàng ngày.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần N đại diện cho bị đơn anh Trần Sa R trình bày yêu cầu:*

Ông là cha ruột của anh Trần Sa R, ông cũng thừa nhận vào năm 1999 Trần Sa R và Kim Thị T kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thuộc xã K), huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi kết hôn Trần Sa R đến ở rể nhà Kim Thị T tại ấp B. Đến cuối năm 2007 đầu năm 2008 không biết giữa Trần Sa R và Kim Thị T xảy ra mâu thuẫn gì mà Trần Sa R trở về nhà ông sống tại ấp T, xã T, được khoảng 02 – 03 tháng thì bị bệnh thần kinh tọa, đến khoảng cuối năm 2011 Trần Sa R chuyển thành bệnh tâm thần cho đến nay. Hiện Trần Sa R phải uống thuốc mỗi ngày, loại thuốc đặc trị mua ở Bệnh viện Tâm thần B H, tỉnh Đ, mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Chi phí điều trị cho Trần Sa R khoảng gần 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) do gia đình ông xuất ra. Từ năm 2017 đến nay Trần Sa R được Phòng lao động thương binh xã hội huyện Trà C hỗ trợ mỗi tháng là 405.000 đồng (Bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) và phát thuốc miễn phí hàng tháng, gia đình ông thuộc diện hộ nghèo, bản thân ông cũng già yếu, thường ngày thu nhập rất thấp từ việc trồng rẫy nên chi phí điều trị và lo cho mọi sinh hoạt của anh Sa R cũng khó khăn.

Trong thời gian anh Trần Sa R ở rể từ năm 1999 đến cuối năm 2007 đã có công sức đóng góp cho gia đình chị T. Vì vậy ông yêu cầu chị T cấp dưỡng khi ly hôn cho anh Trần Sa R từ nay về sau là 08 năm, với số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), cấp 01 lần để ông có điều kiện lo tiền thuốc cho anh Trần Sa R.

Đối với các yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với Trần Sa R, yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Trần Sa R cấp dưỡng nuôi con, thì với tư cách đại diện cho anh Trần Sa R ông cũng thống nhất.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 115, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị T.

Về hôn nhân: Cho chị Kim Thị T ly hôn với anh Trần Sa R.

Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Giao cháu Trần Thị Th, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003 cho chị Kim Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đồng thời theo nguyện vọng của cháu Trần Thị Th cũng yêu cầu được ở với

chị Kim Thị T.

Về vấn đề cấp dưỡng cho con: Tòa án có giải thích cho các đương sự biết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Nhưng chị Kim Thị T không yêu cầu, nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không giải quyết.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần N là người đại diện hợp pháp cho anh Trần Sa R về việc yêu cầu chị Kim Thị T cấp dưỡng.

Buộc chị Kim Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Trần Sa R số tiền 12.000.000 đồng (*bằng chữ*: mười hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2020, Chị Kim Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Trần N về việc buộc chị T cấp dưỡng cho anh Trần Sa R khi ly hôn với số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

*Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho chị Kim Thị T tại phiên tòa phúc thẩm:* Đối với yêu cầu của ông Trần N – đại diện giám hộ cho anh Trần Sa R yêu cầu chị T phải cấp dưỡng khó khăn khi ly hôn cho anh Trần Sa R với số tiền 24.000.000 đồng/08 năm (từ năm 2020 đến hết năm 2027) và Bản án sơ thẩm buộc chị Kim Thị T cấp dưỡng cho anh Trần Sa R là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) là không phù hợp, tuy Luật hôn nhân và gia đình có quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ và chồng khi ly hôn nếu bên có khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng (Điều 115), nhưng cũng có quy định cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con (Điều 110). Qua xác minh và trên thực tế hoàn cảnh hiện tại của chị T cũng khó khăn, vừa phải nuôi con ăn học không được anh Trần Sa R phụ nuôi từ khi con mới 04 tuổi cho đến nay, vừa phải nuôi cha mẹ già trên 80 tuổi đều bị tai biến, thu nhập từ việc làm nông không ổn định. Riêng anh Trần Sa R dù bị bệnh nhưng hàng tháng anh cũng được Nhà nước hỗ trợ cho anh 405.000 đồng (Bốn trăm lẻ năm nghìn đồng), được Nhà nước cấp thuốc miễn phí hàng tháng và hiện anh tự sinh hoạt cá nhân và làm được những việc đơn giản giúp gia đình ông N nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn của ông Trần N – giám hộ cho anh Trần Sa R. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật nên không có ý kiến.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- *Về thủ tục:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về nội dung kháng cáo:* Xét đơn kháng cáo của chị Kim Thị T, Viện kiểm sát xét thấy, theo quy định tại Điều 115 của Luật hôn nhân gia đình có quy định “*Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình*”, Về phương thức cấp dưỡng, tại Điều 117 có quy định “*Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần*”. Nếu trường hợp các đương sự không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng thì Tòa án quyết định về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Cho nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc chị Kim Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Trần Sa R 01 lần bằng 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) là chưa bảo đảm quyền lợi của chị Kim Thị T. Bởi vì, xét về điều kiện kinh tế hiện nay của chị T cũng rất khó khăn, vừa nuôi con ăn học, vừa là phụ nữ, vừa nuôi cha mẹ già, thu nhập từ việc làm nông không ổn định. Còn anh Trần Sa R tuy bị bệnh nhưng có Nhà nước hỗ trợ miễn phí về thuốc uống hàng tháng, được trợ cấp 405.000 đồng/tháng để phục vụ nhu cầu thiết yếu cho bản thân. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị Kim Thị T tự nguyện cấp dưỡng cho anh Trần Sa R theo khả năng của mình là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), chia làm 02 lần (từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/6/2021 cấp 2.500.000 đồng; từ ngày 18/6/2021 đến ngày 18/6/2022 cấp 2.500.000 đồng), xét thấy việc tự nguyện này là phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của chị Kim Thị T. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị Kim Thị T cấp dưỡng cho anh Trần Sa R là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), chia làm 02 lần (từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/6/2021 cấp 2.500.000 đồng; từ ngày 18/6/2021 đến ngày 18/6/2022 cấp 2.500.000 đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và cũng không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh tụng của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của chị Kim Thị T còn trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Kim Thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Chị Kim Thị T kháng cáo 01 phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trà C về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn với số tiền buộc cấp dưỡng là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) với lý do chị nhận thấy anh Trần Sa R vẫn khỏe mạnh, không bị bệnh tâm thần, đồng thời hoàn cảnh kinh tế của chị hiện tại khó khăn không có khả năng cấp dưỡng. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, căn cứ vào Kết luận giám định số 291/2019/KLGĐ ngày 28/11/2019 của trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ thuộc Bộ y tế, giấy khám sức khỏe số 216 ngày 05/01/2011 của Trung tâm giám định y khoa thuộc sở y tế Trà Vinh, giấy xác nhận khuyết tật của anh Trần Sa R số 74/KS011 ngày 20/9/2013 của Ủy ban nhân dân xã K đã xác định anh Trần Sa R có bệnh lý tâm thần biệt định, về năng lực có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên theo yêu cầu của ông Trần N, Tòa án nhân dân huyện Trà C đã mở phiên tòa giải quyết việc dân sự tuyên bố anh Trần Sa R có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nên việc chị Kim Thị T cho rằng anh Trần Sa R vẫn khỏe mạnh, không bị bệnh tâm thần là không đúng với thực tế và bệnh trạng;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 24 Điều 3 và Điều 115 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn như sau: *“Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình”*. Xét thấy, anh Trần Sa R bị bệnh tâm thần không có khả năng lao động, hộ gia đình ông Trần N và bà Kim Thị Phine (cha mẹ của bị đơn) thuộc diện hộ nghèo có khó khăn về kinh tế, cho nên việc ông Trần N – đại diện cho anh Trần Sa R yêu cầu chị Kim Thị T cấp dưỡng cho anh Trần Sa R khi ly hôn là có lý do chính đáng. Tuy nhiên, cũng cần xem xét hoàn cảnh kinh tế hiện tại của cả 02 bên vợ, chồng để quyết định mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng cho phù hợp, để làm sao anh Trần Sa R nhận được 01 khoảng tiền cấp dưỡng khắc phục khó khăn còn chị Kim Thị T cũng thực hiện được trong khả năng có thể. Đối với anh Trần Sa R, mặc dù không có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, nhưng anh cũng được Nhà nước cấp thuốc miễn phí hàng tháng, được Nhà nước hỗ trợ số tiền 405.000 đồng/tháng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của anh, đồng thời Luật hôn nhân gia đình cũng có quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của anh, chị, em với nhau (anh Trần Sa R có rất nhiều anh chị em). Còn đối với chị Kim Thị T là phụ nữ vừa nuôi con chung đang tuổi ăn học, không có việc làm ổn định, không được hưởng chế độ hỗ trợ nào, phải trực tiếp chăm sóc cha mẹ già trên 80 tuổi đều bị tai biến nên không trực tiếp tham gia lao động kiếm thêm thu nhập, thu nhập từ việc làm nông không ổn định nên cũng gặp không ít khó khăn nên khả năng thực hiện việc cấp dưỡng là không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Kim Thị T tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng chị là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), chia làm 02 lần (Lần 1: từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/6/2021 cấp 2.500.000 đồng; Lần 2: từ ngày 18/6/2021 đến ngày 18/6/2022 cấp 2.500.000 đồng), xét thấy việc tự nguyện của chị Kim Thị T cũng phù hợp với quy định tại Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình: “*Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần*”. Cho nên cần thiết phải sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm 54/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trà C theo hướng chấp nhận kháng cáo của chị Kim Thị T, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị T cấp dưỡng cho anh Trần Sa R với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), chia làm 02 lần (Lần 1: từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/6/2021 cấp 2.500.000 đồng; Lần 2: từ ngày 18/6/2021 đến ngày 18/6/2022 cấp 2.500.000 đồng).

[3] Xét quan điểm của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận;

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của chị Kim Thị T là có căn cứ.

[5] Về án phí: Theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Kim Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 12 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Kim Thị T.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh về phần cấp dưỡng khó khăn cho anh Trần Sa R như sau:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Kim Thị T về việc cấp dưỡng khó khăn cho anh Trần Sa R với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), chia làm 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/6/2021 cấp dưỡng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng);

Lần 2: Từ ngày 18/6/2021 đến ngày 18/6/2022 cấp dưỡng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

*Về án phí phúc thẩm:* Chị Kim Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, không bị sửa đổi bổ sung có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Ngô Thị Kim Châu**



## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thành viên**  
**Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Đê – Nguyễn Văn Thành**

**Ngô Thị Kim Châu**







